HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2027;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 1448/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027-2030; Báo cáo thẩm tra số 485/BC-BKTNS ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2027.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; các xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách Nhà nước phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hải đảo.

2. Đảm bảo chủ trương, định hướng quản lý tài chính ngân sách của Thành phố tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Thành phố và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố giai đoạn 2027-2030. Trong đó, ưu tiên nguồn lực để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố về triển khai Luật Phát triển đô thị; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội.

3. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, cơ cấu lại ngân sách Nhà nước theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các đơn vị dự toán ngân sách các cấp của Thành phố với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách Nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các xã, phường, đặc khu được xây dựng cho các lĩnh vực chi ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở theo quy định hiện hành, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết này. Từ năm ngân sách 2027, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; nếu vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp trên xem xét, hỗ trợ theo quy định.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố và từng xã, phường, đặc khu; không phải là định mức chi tiêu ngân sách.

8. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển và Kết luận số 210-KL/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách Nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách Nhà nước đối với các Sở, ban, ngành; các cơ quan Nhà nước trực thuộc Sở, ban, ngành; cơ quan hành chính đặc thù thuộc lĩnh vực chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể nhưng định mức tối đa không vượt quá mức định của Sở, ban, ngành; các cơ quan Nhà nước trực thuộc Sở, ban, ngành; cơ quan hành chính đặc thù.

9. Dân số (người dân) được xác định là dân số của từng xã, phường, đặc khu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo xác nhận của cơ quan thống kê.

10. Biên chế sử dụng trong Nghị quyết này được hiểu gồm: Biên chế cán bộ, biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, số người làm việc tại các hội được đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

11. Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân theo Điều 80 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được xác định theo số lượng chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm hoặc kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục.

12. Chi hoạt động thường xuyên, bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan;

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi nhiệm vụ lưu trữ thường xuyên hằng năm;

c) Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định;

d) Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế tài sản, máy móc, trang thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn thường xuyên của cán bộ, công chức theo quy định.

13. Quỹ tiền lương, bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: quỹ tiền lương của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm và quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2027

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể

1. Phân bổ quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

STT	***Tên cơ quan***	***Định mức***
1	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Thành ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đảng ủy Hội đồng nhân dân Thành phố; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Thành phố; Đảng ủy các cơ sở Y tế Thành phố; Đảng ủy các Trường Đại học, Cao đẳng Thành phố	155
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; tổ chức chính trị - xã hội cấp Thành phố	155
3	Sở, ban, ngành; các cơ quan Nhà nước trực thuộc sở, ban, ngành; cơ quan hành chính đặc thù	112
4	Các hội do đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ	85

3. Định mức phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố là 50.000 triệu đồng/năm.

4. Định mức phân bổ kinh phí cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và hỗ trợ kinh phí đặc thù của Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố là 10.000 triệu đồng/năm.

5. Định mức phân bổ kinh phí phục vụ hoạt động đặc thù của các đồng chí Thường trực Thành ủy là 1.000 triệu đồng/năm/đồng chí Thường trực Thành ủy; định mức phân bổ kinh phí phục vụ hoạt động đặc thù của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy là 500 triệu đồng/năm/đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy cho các cơ quan, đơn vị nơi các đồng chí công tác.

6. Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và theo cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của

đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được phân bổ như sau:

a) Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên là 85 triệu đồng/biên chế/năm.

Điều 6. Tiêu chí và định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ theo tiêu chí người học:

STT	Khối trường	Định mức phân bổ
1	Khối trường giáo dục chuyên biệt	23.572.000 đồng/người học/năm
2	Trường phổ thông Dân tộc nội trú; Khối Mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	12.000.000 đồng/người học/năm
3	Khối Trường chuyên, năng khiếu	10.000.000 đồng/người học/năm
4	Trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu - Côn Đảo, Trường Trung học cơ sở - trung học phổ thông Thạnh An	9.000.000 đồng/người học/năm
5	Khối Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	5.000.000 đồng/người học/năm
6	Khối trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp cao nhất là trung học phổ thông	4.500.000 đồng/người học/năm

Định mức trên đã bao gồm kinh phí tổ chức các hoạt động hè đối với người học trung học phổ thông và người học tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là 40.000 đồng/người học/năm.

3. Kinh phí hoạt động thường xuyên đối với một số trường có số học sinh ít được phân bổ thêm kinh phí hoạt động theo tỷ lệ % (tỷ lệ % x kinh phí hoạt động/học sinh x số học sinh chênh lệch), như sau:

a) Đối với trường Trung học phổ thông có dưới 1.000 học sinh được phân bổ thêm 10% tính theo định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh tại khoản 2 Điều này cho số học sinh chênh lệch giữa số học sinh thực tế so với mức 1.000 học sinh;

b) Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên có dưới 450 học sinh được phân bổ thêm 10% tính theo định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh tại khoản 2 Điều này cho số học sinh chênh lệch giữa số học sinh thực tế so với mức 450 học sinh.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách bố trí cho các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục cấp Thành phố. Việc phân bổ chi thường xuyên cụ thể cho từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự nghiệp giáo dục cấp Thành phố thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan và theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

5. Chi hoạt động chuyên môn, đặc thù của ngành phân bổ theo tiêu chí người học là 107.000 đồng/người học/năm (bao gồm: chi tổ chức các kỳ thi, hội giảng, tập huấn, tuyên truyền, khai giảng, bế giảng, tổng kết năm học, hội đồng bộ môn, in tập san và các nhiệm vụ chuyên môn khác của ngành).

6. Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 7. Tiêu chí và định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 8. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ đặc thù để ưu tiên bố trí chi thường xuyên ngân sách hàng năm cho quốc phòng, an ninh.

Điều 9. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Phân bổ chi thường xuyên ngân sách thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp còn lại

1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Chương III

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU NĂM 2027

Điều 11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Phân bổ quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp giáo dục bằng 20% quỹ tiền lương tại khoản 1 Điều này. Riêng đặc khu Côn Đảo phân bổ định mức chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp giáo dục bằng 25% quỹ tiền lương tại khoản 1 Điều này.

3. Bố trí kinh phí chi hoạt động chuyên môn, đặc thù chung của ngành Giáo dục phân bổ với định mức là 107.000 đồng/người học/năm để đảm bảo các hoạt động của ngành giáo dục, cụ thể: chi tổ chức các kỳ thi, hội giảng, tập huấn, tuyên truyền, kiểm tra, đánh giá các trường, chi hoạt động hè và các nhiệm vụ chuyên môn khác của ngành.

4. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ giáo viên dạy hòa nhập khuyết tật; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non; chính sách hỗ trợ cho giáo viên mầm non; chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn đặc khu Côn Đảo theo quy định hiện hành.

6. Bố trí kinh phí chi mua sắm, sửa chữa phục vụ hoạt động giáo dục là 25 triệu đồng/phòng học/năm và kinh phí mua sắm ban đầu cho các trường mới thành lập là 200 triệu đồng/trường trong năm đầu thành lập.

Điều 12. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng

1. Phân bổ quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao là 85 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đào tạo là 700 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.

4. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn đặc khu Côn Đảo theo quy định hiện hành.

Điều 13. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể

1. Phân bổ quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao, cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường là 100 triệu đồng/biên chế/năm;

b) Ủy ban nhân dân xã Thạnh An là 110 triệu đồng/biên chế/năm;

c) Đặc khu Côn Đảo được phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Đảng là 165 triệu đồng/biên chế/năm, Quản lý Nhà nước là 135 triệu đồng/biên chế/năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặc khu là 125 triệu đồng/ biên chế/năm.

3. Phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn đặc khu Côn Đảo theo quy định hiện hành.

4. Phân bổ kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù của Đảng, nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân, hoạt động phong trào của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu, cụ thể như sau:

a) Các xã, phường là 6.300 triệu đồng/năm;

b) Đặc khu Côn Đảo là 8.800 triệu đồng/năm;

c) Trung tâm phục vụ hành chính công với định mức là 1.000 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm;

d) Phân bổ kinh phí đặc thù phục vụ hoạt động của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy đang công tác tại các xã, phường, đặc khu cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu với định mức là 500 triệu đồng/đồng chí/năm.

5. Phân bổ kinh phí hoạt động thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân các xã, phường với định mức là 50 triệu đồng/đại biểu/năm. Riêng đặc khu Côn Đảo là 56 triệu đồng/đại biểu/năm.

6. Phân bổ kinh phí chi hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo Nghị định số 19/2026/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư là 40 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.

7. Phân bổ kinh phí để hỗ trợ phong trào các hội quần chúng các xã, phường, đặc khu với định mức là 500 triệu đồng/năm.

8. Chi chế độ, chính sách cho khu phố, thôn, ấp, khu dân cư và các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ chi thường xuyên ngân sách thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Quỹ tiền lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao, cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường là 50 triệu đồng/biên chế/năm;

b) Ủy ban nhân dân xã Thạnh An là 60 triệu đồng/biên chế/năm;

c) Đặc khu Côn Đảo là 79 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Phân bổ kinh phí cho công tác phòng bệnh và nâng cao sức khỏe cộng đồng với định mức là 42.000 đồng/người dân/năm.

4. Bố trí kinh phí ngân sách Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 16. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

1. Phân bổ kinh phí chi các hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh truyền hình với định mức là 1.000 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.

2. Phân bổ kinh phí để đảm bảo hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở (Nhà Văn hóa Dân tộc, Trung tâm Văn hóa và học tập cộng đồng, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng, Khu di tích lịch sử, Khu di tích lịch sử - văn hóa) của các xã, phường, đặc khu là 250 triệu đồng/thiết chế/năm.

3. Phân bổ kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách Nhà nước hỗ trợ. Trong đó:

a) Quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao;

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao, cụ thể như sau:

Ủy ban nhân dân các xã, phường là 50 triệu đồng/biên chế/năm;

Ủy ban nhân dân xã Thạnh An là 60 triệu đồng/biên chế/năm;

Đặc khu Côn Đảo là 79 triệu đồng/biên chế/năm.

4. Bố trí dự toán cho các xã, phường, đặc khu có tổ chức các hoạt động, lễ hội văn hóa - thể thao mang tính đặc thù riêng của địa phương, nhằm duy trì, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đặc trưng vùng miền; các chương trình, đề án do cấp Thành phố phê duyệt và các nhiệm vụ chi khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn đặc khu Côn Đảo theo quy định hiện hành.

Điều 17. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo đảm xã hội

1. Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội theo Luật Bảo hiểm xã hội tự nguyện; chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội; chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật và các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội khác phát sinh trên địa bàn với định mức là 500 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện quản lý các nghĩa trang, đền thờ liệt sỹ tại cấp xã với định mức là 300 triệu đồng/xã, phường, đặc khu/năm.

Điều 18. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

1. Chi quốc phòng

a) Phân bổ định mức đảm bảo các hoạt động quốc phòng trên địa bàn các xã, phường là 1.700 triệu đồng/năm. Riêng đặc khu Côn Đảo là 5.100 triệu đồng/năm;

b) Bố trí kinh phí đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân cấp xã và các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chi an ninh

a) Phân bổ định mức đảm bảo các hoạt động an ninh trên địa bàn các xã, phường là 1.700 triệu đồng/năm. Riêng đặc khu Côn Đảo là 5.100 triệu đồng/năm;

b) Bố trí kinh phí đảm bảo chế độ, chính sách cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 19. Tiêu chí định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Đối với các xã, phường

a) Phân bổ chung: Bằng 2% tổng dự toán chi đầu năm ngân sách của xã, phường;

b) Ngoài dự toán được phân bổ theo nguyên tắc phân bổ chung nêu trên, các xã, phường được xem xét, bố trí dự toán để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh ngoài các quy trình, nhiệm vụ đã được phân cấp quản lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với đặc khu Côn Đảo: Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 20. Tiêu chí định mức phân bổ dự toán chi hoạt động kinh tế

Phân bổ dự toán chi thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

Điều 21. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi khác

Định mức phân bổ chi khác được phân bổ theo tỷ lệ là 1,0% tổng chi thường xuyên theo các định mức nêu trên (từ Điều 11 đến Điều 20).

Điều 22. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thi đua khen thưởng

Định mức chi thi đua khen thưởng được xác định phân bổ theo tỷ lệ là 0,5% tổng chi thường xuyên theo các định mức nêu trên (từ Điều 11 đến Điều 21).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát lãng phí;

b) Bảo đảm việc phân bổ dự toán chi thường xuyên tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội, tiền lương và các nhiệm vụ chi thiết yếu theo quy định;

c) Trong quá trình thực hiện, kịp thời rà soát, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét những khó khăn, bất cập phát sinh, bảo đảm việc phân bổ dự toán đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm ngân sách 2027.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026, áp dụng cho năm ngân sách 2027.

2. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027:

a) Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

b) Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

c) Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quy định nội dung tương ứng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản được ban hành mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (BKTNS-Tr).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh